

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng  
phát triển nguồn nhân lực năm 2018 thực hiện Chương trình  
hành động số 09-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn I từ năm 2017 đến năm 2020;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 503/TTr-SNV ngày 02 tháng 4 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực năm 2018 thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (để biết);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: HC-TC, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Bình**

## **KẾ HOẠCH**

**Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực năm 2018 thực hiện  
Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 09  
tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn I từ năm 2017 đến năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực năm 2018, cụ thể như sau:

### **A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Tổ chức thực hiện thắng lợi Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

2. Xác định rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức triển khai, thực hiện và kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình 09-CTr/TU bảo đảm đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của Tỉnh ủy và lộ trình đã đề ra của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **I. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC**

Tiếp tục tổ chức quán triệt trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về Chương trình 09-CTr/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch được ban hành theo Quyết định số 2879/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này để tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

#### **II. THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỂ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**

##### **1. Phục vụ phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực nông nghiệp:**

###### **1.1. Chỉ tiêu cụ thể:**

- 22 cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

- 30 cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn trong nước, bồi dưỡng chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên trách phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- 22 lượt cán bộ tuyến huyện, 156 cán bộ quản lý cấp xã và 156 lượt khuyến nông viên, nhân viên kỹ thuật cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trong nước.

- 100 lượt khuyến nông viên được bồi dưỡng, huấn luyện trong nước để nâng cao năng lực và tăng cường các kỹ năng phục vụ công tác khuyến nông.

- 21.840 lượt nông dân được tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ và phát triển kỹ năng sản xuất hội nhập thị trường.

- 60 khuyến nông viên và 60 người là quản lý, điều hành hoặc thành viên chủ chốt tại các tổ chức nông dân, nông dân giỏi, nông dân khởi nghiệp, lao động trẻ được tham gia thực tập trong nước tại các khu nông nghiệp công nghệ cao, các khu sản xuất, ứng dụng của các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao.

- 80 cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, tập huấn thông qua các chương trình tu nghiệp sinh, thực tập nông nghiệp, thực tập kỹ năng ở các nước Israel, Nhật Bản và Úc.

- 120 người quản lý hoặc thành viên chủ chốt tại các tổ chức nông dân, nông dân, lao động trẻ được đào tạo, tập huấn thông qua các chương trình tu nghiệp sinh, thực tập nông nghiệp, thực tập kỹ năng ở các nước Israel, Nhật Bản và Úc.

- 40 cán bộ, công chức, viên chức và 60 người quản lý hoặc thành viên chủ chốt tại các tổ chức nông dân, nông dân, lao động trẻ được đào tạo nâng cao năng lực ngoại ngữ.

- 400 lượt cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng chuyên ngành vào công tác quản lý, nghiên cứu lĩnh vực nông nghiệp.

- 60 lượt cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng mềm phục vụ công tác chuyên môn.

- Tổ chức 05 cuộc đối thoại chuyên đề giữa các chuyên gia đầu ngành, các nhà quản lý cấp cao và cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng 01 website kết nối dữ liệu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp.

- Tổ chức 01 cuộc hội thảo tham vấn lấy ý kiến và thực hiện định kỳ 03 đợt điều tra, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

## **1.2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng:**

### **1.2.1. Các hoạt động đào tạo, tập huấn trong nước**

#### *a) Đào tạo sau đại học*

- Mục đích: bám sát theo nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ƯDCNC), nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, thực

hiện tái cơ cấu nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp để ưu tiên tuyển chọn đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hình thành đội ngũ cán bộ đầu ngành, đội ngũ chuyên môn cao có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên sâu các lĩnh vực sản xuất trọng điểm và các mặt hàng nông sản chiến lược.

- Đối tượng đào tạo: cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện quy hoạch, tiềm năng trở thành cán bộ khoa học đầu ngành về nông nghiệp; lực lượng chuyên trách các nhiệm vụ trọng tâm của ngành nông nghiệp như tái cơ cấu nông nghiệp, nông nghiệp UDCNC, nông nghiệp sạch, kinh tế nông nghiệp có năng lực hoạch định chính sách, thực hiện công tác nghiên cứu, tư vấn và phản biện, tham mưu lập qui hoạch, kế hoạch, xây dựng các giải pháp, phát triển các ý tưởng dự án tiếp cận, thu hút các nguồn hỗ trợ, viện trợ trong và ngoài nước, huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn An Giang.

- Lĩnh vực đào tạo: ưu tiên đào tạo chuyên môn sâu các lĩnh vực sản xuất chủ lực lúa gạo, rau quả, thủy sản, chăn nuôi để phục vụ phát triển nông nghiệp UDCNC, tái cơ cấu nông nghiệp, nông nghiệp sạch đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế và thích ứng biến đổi khí hậu. Trong khi đào tạo, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ, am hiểu sâu lĩnh vực chuyên trách đối với nhóm sản phẩm thế mạnh do ngành nông nghiệp xác định tại từng thời điểm cụ thể (như nếp, Jasmine, cá tra, tôm càng xanh, rô phi, rau màu, chuối, xoài, cây có múi, heo, bò, v.v...), song song với phát triển các kỹ năng về thương mại nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, chính sách công, thẩm định dự án, phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp.

- Đối tác đào tạo: các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước có thế mạnh về nghiên cứu phát triển nông nghiệp, có chương trình đào tạo hoặc liên kết đào tạo phù hợp, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp An Giang. Một số đối tác chủ yếu và tiềm năng trong nước như Đại học An Giang, Đại học Cần Thơ, Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc tế Sài Gòn, Đại học RMIT Việt Nam, Đại học Fulbright Việt Nam, Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh, Đại học Tài Nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

- Hình thức đào tạo: đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước. Thời gian đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành về đào tạo sau đại học.

- Yêu cầu đầu ra: Văn bằng chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo; Đề xuất kế hoạch phát triển sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực chuyên trách; Hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu.

- Số lượng đào tạo: 22 người (Thạc sĩ 19 người và tiến sĩ 03 người).

- Hình thức hỗ trợ: chế độ kinh phí hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành.

*b) Bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu hình thành lực lượng chuyên môn cao và đội ngũ giảng viên nguồn*

- Đối tượng bồi dưỡng, tập huấn: ưu tiên lựa chọn trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm ngành nông

nghiệp hoặc trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn để bồi dưỡng, tập huấn hình thành lực lượng chuyên trách, đầu tàu, là nguồn nhân lực công nông cốt trong thực hiện nhiệm vụ, vừa là giảng viên nguồn phục vụ tập huấn, vừa trực tiếp vận dụng kiến thức vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

Trong khi lựa chọn đối tượng bồi dưỡng, tập huấn cần phân nhóm đối tượng tương ứng vị trí việc làm, yêu cầu công tác về quản lý, lập kế hoạch hay chuyên trách kỹ thuật để bố trí tham gia các chương trình bồi dưỡng, tập huấn phù hợp lĩnh vực chuyên trách.

- Lĩnh vực bồi dưỡng, tập huấn: chuyên sâu các lĩnh vực trọng điểm phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp UDCNC, nông nghiệp sạch, tái cơ cấu nông nghiệp, chuỗi giá trị nông sản, hội nhập thị trường, thương mại nông nghiệp điện tử, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, công nghệ tự động, nông nghiệp thông minh, phát triển dự án, thẩm định đầu tư, quản lý dự án, phát triển bền vững.

- Nội dung đề xuất tập huấn: (1) Trang bị và cập nhật kiến thức chuyên sâu về nông nghiệp UDCNC trong lĩnh vực chuyên trách; (2) Các giải pháp đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển sản xuất nông nghiệp UDCNC, tái cơ cấu ngành nông nghiệp; (3) Kỹ năng xúc tiến thương mại và kêu gọi đầu tư lĩnh vực nông nghiệp UDCNC; (4) Cơ hội và thách thức của nông sản An Giang trước sức ép của nông sản nhập khẩu; (5) Nâng cao năng suất, chất lượng nông sản phục vụ hội nhập; (6) Kỹ năng thu hút vốn đầu tư (xã hội, chính phủ, viện trợ), phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư công lĩnh vực nông nghiệp UDCNC, nông nghiệp sạch theo hướng hiệu quả, bền vững; (7) Phát triển sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Loại hình tập huấn: (1) Thông qua các khóa bồi dưỡng, tập huấn có thực tập chuyên môn tại các Viện, Trường, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực. Chương trình bồi dưỡng, tập huấn được xây dựng bám sát vào nhu cầu đề xuất của cơ quan, đơn vị nơi công tác, phù hợp yêu cầu nâng cao năng lực chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025; (2) Thông qua các chương trình, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp hoặc lồng ghép, phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

- Đối tác thực hiện tập huấn: các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu, các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tổ chức các khóa tập huấn theo chuyên đề, xây dựng các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu định kỳ, cập nhật kiến thức chuyên môn cần thiết, trong đó chú trọng thời lượng cho thực hành, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, học tập từ thực tế.

+ Các đối tác chủ lực và tiềm năng gồm có: Đại học An Giang, Đại học Cần Thơ, Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc tế Sài Gòn, Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp cao TP. Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam, Viện Chăn nuôi Việt Nam, Viện nghiên cứu Châu Á, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, các Tổ chức hỗ trợ

phát triển như GIZ, AusAID, USAID và các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, các công ty sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản điển hình trong nước.

- Hình thức hỗ trợ: các hạng mục hỗ trợ chi phí tham gia khóa tập huấn, thực hành áp dụng theo các quy định hiện hành và được đảm bảo chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp trong thời gian tham gia tập huấn.

- Yêu cầu đầu ra: Chứng chỉ, Giấy xác nhận hoàn thành tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn; Đề xuất chương trình, kế hoạch, dự án, mô hình phát triển sản xuất lĩnh vực chuyên trách được áp dụng thực tiễn, tham gia vào các chương trình trọng điểm phát triển sản phẩm chuyên trách; Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm đạt được từ khóa bồi dưỡng, tập huấn.

- Số lượng tập huấn: 20 cán bộ, công chức, viên chức, thời lượng tối đa 01 tháng/người.

*c) Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách nhiệm vụ nông nghiệp tuyến huyện, xã*

- Mục đích: nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên trách nhiệm vụ các chương trình trọng điểm của ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp UDCNC, kinh tế nông nghiệp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tuyến huyện, xã làm công tác quản lý, nhân viên kỹ thuật có chất lượng, có tính chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu kết nối, hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp ở địa bàn phụ trách, tham gia thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đối tượng tập huấn: cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật các lĩnh vực trọng điểm như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, rau quả tại các huyện, thị, thành phố trong tỉnh và cán bộ chuyên trách nhiệm vụ triển khai nhiệm vụ nông nghiệp UDCNC, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp ở tuyến huyện, xã.

- Nội dung tập huấn: (1) Quan điểm và phương pháp triển khai thực hiện hiệu quả chương trình nông nghiệp UDCNC, tái cơ cấu nông nghiệp An Giang giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến 2025; (2) Nâng cao năng lực hỗ trợ nông dân lập phương án đầu tư xây dựng mô hình nông nghiệp UDCNC hiệu quả; (3) Kỹ năng tuyên truyền, hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp tiếp cận và tham gia các chính sách, các gói hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; (4) Kỹ năng sử dụng các công cụ công nghệ thông tin, ứng dụng chuyên gia KH-CN, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp theo hướng UDCNC; (5) Cập nhật kiến thức các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại khả thi áp dụng vào thực tiễn sản xuất; (6) Phát triển nông nghiệp, nông thôn hội nhập thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu; (7) Các vấn đề mang tính thời sự trực tiếp tác động đến nông nghiệp, nông thôn; (8) Kỹ năng phân tích đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phụ trách và tham mưu, đề xuất giải pháp phát triển; (9) Phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế hợp tác.

- Hình thức tập huấn: (1) tập huấn với các chuyên gia đầu ngành, lực lượng giảng viên nguồn trong lĩnh vực chuyên môn, bao gồm tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực kỹ thuật chuyên môn phù hợp yêu cầu triển khai thực hiện đạt kết quả cao các nhiệm vụ chuyên trách và tập huấn định kỳ để cập nhật kiến

thức, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm; (2) Thông qua các chương trình, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp hoặc lồng ghép, phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

- Yêu cầu đầu ra: đề xuất sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp hoặc đề xuất dự án, kế hoạch, điều chỉnh quy hoạch thúc đẩy phát triển sản xuất lĩnh vực phụ trách tại địa phương; hoặc xây dựng mô hình thực nghiệm cụ thể.

- Số lượng dự kiến: 22 lượt cán bộ tuyến huyện; 156 lượt cán bộ quản lý cấp xã; 312 lượt nhân viên kỹ thuật cấp xã, cụ thể như sau:

(1) Tập huấn mới: 22 người tuyến huyện chuyên trách nhiệm vụ nông nghiệp công nghệ cao là lãnh đạo UBND huyện, thị, thành phố, và cán bộ, công chức, viên chức tại các Phòng Nông nghiệp & PTNT, Phòng Kinh tế, các Trạm chuyên môn ở huyện chuyên trách nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp UDCNC (thời lượng 10 ngày/01 người).

(2) Tập huấn cho cán bộ quản lý cấp xã: 156 người/156 xã, phường, thị trấn (thời lượng 03 ngày/01 người)

(3) Tập huấn nâng cao trao đổi kinh nghiệm cho 156 người là khuyến nông viên, nhân viên kỹ thuật tuyến xã tại 156 xã, phường, thị trấn (01 người/địa bàn, thời lượng 03 ngày/người).

*d) Bồi dưỡng, huấn luyện lực lượng khuyến nông viên*

- Mục đích: nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ khuyến nông viên chuyên trách nhiệm vụ nông nghiệp UDCNC, nông nghiệp sạch, kinh tế nông nghiệp và công tác khuyến nông lâu dài để nâng cao hiệu quả hỗ trợ sản xuất, truyền đạt thông tin, vận động nông dân mạnh dạn áp dụng quy trình kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào các lĩnh vực sản xuất trọng điểm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, góp phần đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của hoạt động khuyến nông, tạo đột phá trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn An Giang.

- Đối tượng bồi dưỡng, huấn luyện: lực lượng khuyến nông viên ngành nông nghiệp.

- Nội dung bồi dưỡng, huấn luyện: (1) Nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn lĩnh vực chuyên trách (cập nhật kiến thức, thành tựu khoa học và công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực, các kỹ thuật khả thi, hiệu quả áp dụng vào sản xuất, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, thông tin các vấn đề mang tính thời sự tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp như yêu cầu hội nhập kinh tế, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, v.v...); (2) Tăng cường các kỹ năng phục vụ công tác khuyến nông (kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng tư vấn, kỹ năng lập phương án sản xuất, kỹ năng làm việc cùng nông dân, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng trình bày ý tưởng, kỹ năng biên soạn tài liệu tập huấn, kỹ năng tuyên truyền và xây dựng tài liệu truyền thông, kỹ năng dự báo và xử lý rủi ro, v.v...)

- Hình thức bồi dưỡng, tập huấn: (1) Bồi dưỡng chuyên sâu thông qua các khóa tập huấn cung cấp kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc, công tác đạt hiệu quả cao, phù hợp yêu cầu, tính chất công việc của lực lượng khuyến nông viên trong tình hình mới; (2) Thực tập tại Khu nông nghiệp

công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Trang trại Công nghệ cao của Tập đoàn VinGroup, các khu sản xuất, ứng dụng của các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao trong nước, các khu thực nghiệm của các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu.

- Số lượng bồi dưỡng, huấn luyện: 05 lớp (20 người/lớp, thời lượng 15 ngày/lớp) bồi dưỡng, huấn luyện mới khuyến nông viên nòng cốt chuyên sâu các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

- Số lượng tham gia thực tập: 25 người, thời gian tối đa 01 tháng/người.

*đ) Tập huấn nâng cao năng lực lực lượng lao động nông thôn*

- Mục đích: tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân và tập huấn cho nhóm nông dân tiêu biểu để hình thành nhóm nòng cốt nông nghiệp tại mỗi địa phương, trở thành sứ giả tri thức nông nghiệp tham gia làm cầu nối gắn kết giữa nhà nước, nhà khoa học, nông dân và doanh nghiệp trong khi thực hiện chương trình nông nghiệp UDCNC và tái cơ cấu nông nghiệp; tham gia đề xuất nhu cầu, đưa ra sáng kiến và thực hiện thí điểm các mô hình nông nghiệp hiệu quả. Lực lượng này cũng góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, thông tin các chính sách hỗ trợ đến đông đảo nhân dân, kịp thời phản hồi những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

- Đối tượng tập huấn: người quản lý, điều hành các tổ chức nông dân (hợp tác xã, tổ hợp tác) hoặc những thành viên chủ chốt tham gia vào công tác quản lý, điều hành, tổ chức nông dân; chủ các trang trại, nông dân giỏi, nông dân khởi nghiệp, lao động trẻ có chuyên môn nông nghiệp, phát triển nông thôn tại các địa phương.

- Nội dung tập huấn: (1) Khoa học công nghệ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; (2) Phát triển ý tưởng và tiếp cận các nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng mô hình nông nghiệp UDCNC khả thi, hiệu quả; (3) Các biện pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực để phát triển sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp UDCNC; (4) Kỹ năng sử dụng, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các dịch vụ khoa học, công nghệ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp UDCNC; (5) Kỹ năng xúc tiến, quảng bá, tiếp cận thị trường nông sản; (6) Thông tin tình hình, định hướng thị trường nông sản, dự báo rủi ro, biến động trong sản xuất và thị trường tiêu thụ; (7) Nông dân và nông sản thời hội nhập; (8) Kinh tế hợp tác và các mô hình hợp tác xã kiểu mới.

- Hình thức tập huấn: (1) Tập huấn lý thuyết với lực lượng giảng viên nguồn, nông dân giỏi; (2) Thực tập tại Khu nông nghiệp công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Trang trại Công nghệ cao của Tập đoàn VinGroup, các khu sản xuất, ứng dụng của các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao trong nước, các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới; (3) Thông qua các chương trình, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp hoặc lồng ghép, phối hợp trong khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

- Phương pháp tập huấn: trực quan sinh động, có trọng tâm, phù hợp trình độ, nguyện vọng học hỏi của nông dân, chú trọng tăng thời lượng trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày ý tưởng, chia sẻ kinh nghiệm và thực hành thực tế.

- Số lượng tập huấn: 21.840 lượt nông dân (35 người/lớp, 02 ngày/lớp)



- Số lượng tham gia thực tập: 20 người, thời gian 15 ngày/người.

### **1.2.2. Các hoạt động đào tạo, tập huấn ở nước ngoài**

#### *a) Đào tạo sau đại học*

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức dự tuyển các chương trình học bổng phát triển, các chương trình học bổng học thuật của các viện, trường ở các nước.

Hình thức hỗ trợ: đào tạo nâng cao năng lực ngoại ngữ, hỗ trợ thủ tục tham gia dự tuyển các chương trình và được đảm bảo chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp trong thời gian tham gia đào tạo.

*b) Tu nghiệp sinh, thực tập sinh, thực tập kỹ năng nông nghiệp ở các nước có nền nông nghiệp phát triển*

- Loại hình đào tạo: thông qua các chương trình tu nghiệp sinh, thực tập sinh, thực tập nông nghiệp ở nước ngoài; các khoá tập huấn ngắn hạn trong khuôn khổ hợp tác của Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, Ngành có liên quan; các chương trình tu nghiệp ngắn hạn, trung hạn tại các nước có nền nông nghiệp phát triển; các chương trình trao đổi ở các nước có chương trình hợp tác với An Giang nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực chuyên trách phục vụ phát triển nông nghiệp UDCNC, tái cơ cấu nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, thương mại nông nghiệp.

- Đối tượng đào tạo:

+ Công chức, viên chức ngành nông nghiệp có trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ phù hợp yêu cầu đầu vào của chương trình và có cam kết, công tác lâu dài cho ngành nông nghiệp. Ưu tiên lựa chọn công chức, viên chức trẻ (trong độ tuổi không quá 30 tuổi) để hình thành, phát triển lực lượng khuyến nông viên, nhân viên kỹ thuật năng động, được kiện toàn trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc, có đủ khả năng đảm trách nhiệm vụ và có tính kế thừa phục vụ lâu dài theo các định hướng phát triển ngành nông nghiệp.

+ Người quản lý, điều hành các tổ chức nông dân (hợp tác xã, tổ hợp tác) hoặc những thành viên chủ chốt tham gia vào công tác quản lý, điều hành, tổ chức nông dân.

+ Lực lượng lao động nông thôn: chủ các trang trại, nông dân giỏi, nông dân khởi nghiệp, lao động trẻ có chuyên môn nông nghiệp, phát triển nông thôn tại các địa phương.

#### **\* Các chương trình đào tạo trọng điểm, gồm:**

- *Chương trình thực hành nông nghiệp tại Israel:*

+ Thời gian đào tạo: 11 tháng.

+ Lĩnh vực đào tạo: công nghệ nông nghiệp hiện đại, kinh tế nông nghiệp, quản lý nước, công nghệ tưới, khí tượng thủy văn, nông học, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ môi trường, tổ chức sản xuất nông nghiệp theo các mô hình trang trại, sản xuất giống, năng lượng sinh khối, năng lượng sinh học, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, công nghệ giống nông nghiệp, công nghệ sinh học nông nghiệp, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, hội nhập thị trường nông sản, v.v...

+ Hình thức đào tạo: học tập lý thuyết và chủ yếu là thực tập, thực hành ở các trang trại, nhà kính, nhà lưới, xưởng sản xuất, chế biến nông sản.

+ Số lượng: 40 người là cán bộ, công chức, viên chức và 40 người là đối tượng khác.

+ Hình thức hỗ trợ: đào tạo ngoại ngữ đạt yêu cầu đầu vào, hỗ trợ tạm ứng chi phí liên quan khi tham gia chương trình với thời gian hoàn trả trong 05 tháng và được đảm bảo chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp trong thời gian tham gia tập huấn. Trường hợp người tham gia chương trình đã được hỗ trợ các khoản trợ cấp đảm bảo sinh hoạt, học tập hoặc được hưởng lương thực tập từ chương trình sẽ không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các hạng mục hỗ trợ liên quan.

- *Chương trình tu nghiệp sinh, thực tập kỹ năng ở Nhật Bản:*

+ Thời gian đào tạo: 06 - 12 tháng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và 3 năm cho các đối tượng khác.

+ Lĩnh vực đào tạo: công nghệ nông nghiệp hiện đại, kinh tế nông nghiệp, quản lý nước, công nghệ tưới, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ môi trường, cơ giới hóa nông nghiệp, mô hình quản lý và tổ chức hoạt động của hợp tác xã, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp bền vững, thương mại nông nghiệp, v.v...

+ Hình thức đào tạo: học tập lý thuyết và thực tập kỹ năng (có hưởng lương) tại các hợp tác xã, nhà kính, nhà lưới, các cơ sở nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp hiện đại.

+ Số lượng: 30 người là cán bộ, công chức, viên chức và 60 người là đối tượng khác.

+ Hình thức hỗ trợ: đào tạo ngoại ngữ đạt yêu cầu đầu vào, hỗ trợ tạm ứng chi phí liên quan khi tham gia chương trình với thời gian hoàn trả trong 12 tháng và được đảm bảo chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp trong thời gian tham gia tập huấn. Trường hợp người tham gia chương trình đã được hỗ trợ các khoản trợ cấp đảm bảo sinh hoạt, học tập hoặc được hưởng lương thực tập từ chương trình sẽ không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các hạng mục hỗ trợ liên quan.

- *Chương trình thực tập nông nghiệp tại Úc*

+ Thời gian đào tạo: 12 tháng.

+ Lĩnh vực đào tạo: công nghệ nông nghiệp hiện đại, kinh tế nông nghiệp, quản lý nước, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm, môi trường nông nghiệp, tổ chức sản xuất nông nghiệp theo các mô hình trang trại, sản xuất giống, thiết kế nhà lưới, tổ chức sản xuất quy mô trang trại, dây chuyền đóng gói, bảo quản nông sản, năng lượng sinh khối, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, công

nghệ sinh học nông nghiệp, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, hội nhập thị trường nông sản v.v...

+ Hình thức đào tạo: học tập lý thuyết và chủ yếu là thực tập, thực hành kỹ năng (có hưởng lương) ở các trang trại, nhà kính, nhà lưới, xưởng sản xuất, chế biến nông sản.

+ Số lượng: 10 người là cán bộ, công chức, viên chức và 20 người là đối tượng khác.

+ Hình thức hỗ trợ: đào tạo ngoại ngữ đạt yêu cầu đầu vào, hỗ trợ tạm ứng chi phí liên quan khi tham gia chương trình với thời gian hoàn trả trong 06 tháng và được đảm bảo chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp trong thời gian tham gia tập huấn. Trường hợp người tham gia chương trình đã được hỗ trợ các khoản trợ cấp đảm bảo sinh hoạt, học tập hoặc được hưởng lương thực tập từ chương trình sẽ không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các hạng mục hỗ trợ liên quan.

### *c) Hợp tác quốc tế:*

Tham dự các hội thảo quốc tế chuyên ngành, các hội thảo khoa học, các chương trình trao đổi học thuật, kết nối hợp tác các lĩnh vực ưu tiên phát triển nông nghiệp, nông thôn để qua đó vừa nâng cao năng lực, vừa tăng cường cơ hội chia sẻ kinh nghiệm, tiếp cận tiến bộ khoa học, công nghệ, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, kêu gọi đầu tư, thúc đẩy các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp.

+ Số lượng: 10 cán bộ, công chức, viên chức

+ Hình thức hỗ trợ: thủ tục xin visa xuất nhập cảnh và các hạng mục hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm: chi phí đi về, chi phí sinh hoạt và chỗ ở, bảo hiểm trong thời gian tham gia và được đảm bảo chế độ tiền lương và phụ cấp trong thời gian tham gia tập huấn. Định mức hỗ trợ tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài áp dụng theo các quy định hiện hành về chế độ trợ cấp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang.

- Yêu cầu đầu ra: các chứng chỉ có liên quan xác nhận kết quả hoàn thành chương trình; Báo cáo chi tiết nội dung, kết quả tham gia chương trình; Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm tham gia chương trình.

### **1.2.3. Đào tạo, bồi dưỡng phát triển kỹ năng nghề nghiệp:**

- Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng: cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức nông dân, lực lượng lao động nông thôn. Trong đó: (1) Ưu tiên cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế, đối ngoại, thương mại nông nghiệp, hội nhập thị trường, kêu gọi đầu tư ở tuyến tỉnh và tuyến huyện; (2) Đối với đối tượng khác không phải là cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên đào tạo cho người quản lý, điều hành hoặc thành viên chủ chốt tham gia vào quản lý điều hành tổ chức nông dân để định hướng tham gia các chương trình tu nghiệp sinh, thực tập kỹ năng ở các nước và để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế cho các tổ chức nông dân trong tỉnh.

- Nội dung đào tạo:

a) *Bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, tiếng Nhật*: hỗ trợ chi phí đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đạt trình độ tiếng Anh quy đổi tương đương IELTS 4.5, khả năng sử dụng tiếng Nhật phù hợp yêu cầu đầu vào các chương trình thực tập sinh, tu nghiệp sinh và để phục vụ công tác đối ngoại, hội nhập cho ngành nông nghiệp.

- Số lượng đào tạo: 100 người, trong đó (cán bộ, công chức, viên chức là 40 người và đối tượng khác là 60 người).

b) *Tập huấn thực hành nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực nông nghiệp*: như các chương trình, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, lập quy hoạch, xây dựng kế hoạch, đánh giá, phân tích kết quả sản xuất nông nghiệp, quan sát, theo dõi tiến độ xuống giống, giám sát phòng chống cháy rừng, ứng dụng phần mềm thông minh vào quản lý sản xuất nông nghiệp.

- Số lượng đào tạo: 400 lượt (20 người/lớp, thời lượng 01 ngày/lớp).

c) *Bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng phục vụ công tác hiệu quả*: kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, quản lý nguồn lực, kỹ năng truyền thông, kỹ năng giám sát đánh giá, kỹ năng tham vấn cộng đồng, nghiệp vụ tổ chức sự kiện, hội nghị đón tiếp các đoàn quốc tế và khi công tác quốc tế. Số lượng: 02 lớp (20 người/lớp, 03 ngày/lớp).

d) *Tổ chức các cuộc đối thoại, nói chuyện chuyên đề*: giữa các chuyên gia đầu ngành, các nhà quản lý cấp cao liên quan, các chuyên gia khoa học, kinh tế, thị trường với các nhà quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và công chức, viên chức chuyên trách nhiệm vụ ở từng lĩnh vực cụ thể để nâng cao cơ hội chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm, đối thoại và tranh luận sâu tìm giải pháp khả thi, hiệu quả trong hoạch định chiến lược, quy hoạch, phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các lĩnh vực trọng điểm. Số lượng dự kiến: 05 cuộc (thời lượng 01 ngày/cuộc, 20 người/cuộc).

#### **1.2.4. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn**

a) Thiết lập 01 website làm hệ thống dữ liệu trực tuyến, ngõ cung cấp và kết nối thông tin các tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có liên quan ở trong và ngoài nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng lao động nông nghiệp, nông thôn dễ dàng, thuận lợi liên hệ các chương trình hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ; qua đó tăng cường cơ hội tiếp cận các hình thức hỗ trợ ưu đãi, các chương trình đào tạo tập huấn, các chương trình học bổng trong và ngoài nước.

Tại website có thiết lập chức năng đăng ký nhu cầu đào tạo trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng tiếp cận, gửi đề xuất tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm tiết giảm thời gian và giảm áp lực lưu trữ hồ sơ; đồng thời, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin khi nộp, xét duyệt và công bố kết quả cử tuyển tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

b) Thực hiện định kỳ hoạt động khảo sát, xác định, làm rõ thực trạng nguồn nhân lực và tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học tham vấn lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để qua đó kịp thời cung cấp thông

tin cho hội đồng xét tuyển cử đào tạo, cũng như phục vụ công tác đề xuất đặt hàng nội dung đào tạo, tập huấn và có cơ sở tham mưu điều chỉnh nội dung kế hoạch theo tình hình thực tiễn.

Số lượng: 01 cuộc hội thảo (80 người/cuộc); 01 đợt điều tra (275 phiếu điều tra 40 chỉ tiêu/đợt)

## 2. Phục vụ phát triển nhân lực nguồn trong học sinh phổ thông

### 2.1. Tổ chức dạy học tăng cường kỹ năng nghe- nói tiếng Anh cho học sinh hai trường THPT chuyên và 11 trường THPT trọng điểm

#### a) Đối tượng học sinh

- Học sinh lớp 10 và 11 đang học lớp chuyên của hai trường THPT chuyên (Thoại Ngọc Hầu và Thủ Khoa Nghĩa).

- Học sinh lớp 10 và 11 của 10 trường THPT còn lại trên địa bàn tỉnh, bao gồm: THPT Long Xuyên, THPT Châu Văn Liêm, THPT Chu Văn An, THPT Tân Châu, THPT An Phú, THPT Tịnh Biên, THPT Nguyễn Trung Trực, THPT Nguyễn Khuyến, THPT Nguyễn Bình Khiêm, THPT Trần Văn Thành, Phổ thông Dân tộc Nội trú THPT An Giang.

#### b) Số lượng:

Đơn vị	Số trường	Số học sinh/lớp	Số lớp	Số tiết/lớp	Tổng số học sinh
Trường THPT chuyên	02	35	20	2	700
Trường THPT còn lại	11	40	44	2	1.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>		<b>64</b>		<b>2.460</b>

#### c) Thời gian: 25 tuần, trong đó:

- Học kỳ 2- năm học 2017-2018: 08 tuần

- Học kỳ 1- năm học 2018-2019: 17 tuần.

#### d) Dự trù kinh phí:

Nội dung	Định mức/lớp	Số lớp	Thành tiền	Ghi chú
Dạy kỹ năng nghe- nói tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài (GV bản ngữ) cho học sinh hai trường THPT chuyên	50.000.000	20	1.000.000.000	(Có bảng dự trù chi tiết kèm theo)
Dạy kỹ năng nghe- nói	15.000.000	44	660.000.000	(Có bảng dự trù chi

tiếng Anh với giáo viên trong nước cho học sinh 11 trường THPT trọng điểm .				<i>tiết kèm theo)</i>
---	--	--	--	-----------------------

*đ) Cơ sở đào tạo:*

- Sử dụng giáo viên tại chỗ của đơn vị (đạt chuẩn theo quy định) để dạy tăng cường kỹ năng nghe nói cho học sinh 11 trường THPT trọng điểm.

- Hợp đồng với cơ sở, trung tâm đào tạo, các trường THPT Quốc tế hoặc các trường Đại học có uy tín thuê giáo viên người nước ngoài dạy cho học sinh trường THPT chuyên.

*e) Hiệu quả đầu ra:*

Sau khóa bồi dưỡng học sinh sẽ được các đơn vị bồi dưỡng kiểm tra, đánh giá thông qua bài kiểm tra năng lực và cấp giấy chứng nhận có năng lực tiếng Anh (cơ bản mức độ 1) phần kỹ năng nghe nói tiếng Anh, làm cơ sở để tiếp tục bồi dưỡng ở năm học sau, tiến tới đạt chuẩn nghe nói tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ qui định (phần kỹ năng nghe- nói).

**2.2. Trang bị tài liệu cho học sinh tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng nghe nói tiếng Anh**

*a) Tài liệu dành cho học sinh trường THPT chuyên (Thoại Ngọc Hầu và Thủ Khoa Nghĩ):*

- Đối tượng trang bị: Là những học sinh tham gia học các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghe - nói tiếng Anh với giáo viên bản ngữ.

- Kinh phí: 200.000 đồng/bộ x 35 học sinh/lớp x 20 lớp = 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*)

*b) Trang bị tài liệu dành cho học sinh của 11 trường THPT trọng điểm:*

- Đối tượng trang bị: Là những học sinh tham gia học tăng cường kỹ năng nghe- nói tiếng Anh với giáo viên trong nước cho học sinh 11 trường THPT trọng điểm.

- Kinh phí: 200.000 đồng/bộ x 40 học sinh/lớp x 04 lớp/trường x 11 trường = 352.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi hai triệu đồng*).

**2.3. Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp cho học sinh**

*a) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên về công tác giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp*

- Đối tượng: CBQL, giáo viên trường THPT chuyên và các trường THPT trọng điểm (như trên)

- Số lượng: 100 người (CBQL và giáo viên)

- Thời gian thực hiện: Dự kiến quý 3/2018.

- Kinh phí thực hiện: ước 175.800.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng*). Định mức chi theo quy định chi của trung tâm tạo nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng- Trường Đại học An Giang.

- Cơ sở đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với trung tâm tạo nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng- Trường Đại học An Giang thực hiện.

- Hiệu quả: Sau khi bồi dưỡng, CBQL và giáo viên nắm đầy đủ quy trình tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh theo hướng khởi nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện tốt tại đơn vị.

*b) Trang bị tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp dành cho học sinh trường chuyên và 11 trường THPT trọng điểm*

- Thời gian thực hiện: Quý 3/2018.

- Kinh phí: 70.000 đồng/bộ x 2.460 bộ = 172.200.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

### **3. Phục vụ phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn**

#### **3.1. Nguồn lực công**

##### *a) Bồi dưỡng kỹ năng*

- Nội dung: Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng chính sách, quy hoạch phát triển du lịch; xúc tiến, quảng bá du lịch cho cán bộ, công chức, viên chức đang hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

- Hình thức bồi dưỡng, tập huấn: Tập trung ngắn hạn (căn cứ theo thông báo chiêu sinh của các đơn vị tập huấn).

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ, công chức, viên chức công tác tại Phòng Quản lý Du lịch, Trung tâm Xúc tiến Du lịch.

- Số lượng: 25 lượt cán bộ công chức, viên chức

- Thời gian: cả năm 2018.

- Đối tác đào tạo: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tổng cục Du lịch; Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ và dịch vụ VHTTDL.

- Kinh phí: Ngân sách Nhà nước

##### *b) Đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ, công chức*

- Nội dung: đào tạo chuẩn tiếng Anh đầu ra theo chuẩn khung B1 Châu Âu, có thể sử dụng trong giao tiếp hằng ngày.

- Hình thức đào tạo: tập trung dài hạn (tối thiểu 10 tháng).

- Đối tượng đào tạo: Các bộ, công chức, viên chức thuộc Phòng Quản lý Du lịch, Trung tâm Xúc tiến Du lịch.

- Số lượng: 20 học viên/lớp

- Đối tác đào tạo: Trường Đại học An Giang.

- Thời gian tổ chức: dự kiến tháng 5 năm 2018.

- Kinh phí: 100% Ngân sách Nhà nước.

*c) Đào tạo sau đại học*

- Nội dung: đào tạo chương trình chuyên ngành du lịch sau đại học cho cán bộ quản lý du lịch của tỉnh.

- Hình thức đào tạo: chính quy - tập trung

- Đối tượng đào tạo: Các bộ, công chức, viên chức thuộc Phòng Quản lý Du lịch, Trung tâm Xúc tiến Du lịch.

- Số lượng: 30 học viên, trong đó hỗ trợ đào tạo 5 học viên.

- Đối tác đào tạo: Trường Đại học An Giang.

- Thời gian tổ chức: trong năm 2018.

- Kinh phí: 100% Ngân sách Nhà nước.

**3.2. Nguồn lực xã hội**

*a) Đào tạo Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (thuyết minh viên)*

- Nội dung: Thực hiện theo quy định Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Lý thuyết về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm: đặc điểm tâm lý du khách, kỹ năng giao tiếp bằng lời nói, ngôn ngữ cơ thể, kỹ năng giải quyết tình huống; Kiến thức về khu điểm du lịch của địa phương; Thực hành thuyết minh về khu điểm, du lịch.

- Hình thức đào tạo: tập trung ngắn hạn

- Đối tượng đào tạo: Nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các khu điểm du lịch; Lao động xã hội chưa có việc làm; Sinh viên chuyên ngành du lịch hoặc các ngành nghề liên quan.

- Số lượng: 30 học viên/lớp.

- Đối tác đào tạo: Các trường có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch.

- Thời gian tổ chức: dự kiến tháng 5 năm 2018.

- Kinh phí: 100% Ngân sách Nhà nước.

*b) Lớp nghiệp vụ Quản lý khách sạn*

- Nội dung: đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, điều hành khách sạn, công tác bố trí, sắp xếp hoạt động của nhân viên.

- Hình thức đào tạo: tập trung ngắn hạn.

- Đối tượng đào tạo: Nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các doanh nghiệp lưu trú; Lao động xã hội chưa có việc làm; Sinh viên chuyên ngành du lịch hoặc các ngành nghề liên quan.

- Số lượng: 60 học viên.

- Đối tác đào tạo: Các trường có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch.

- Thời gian tổ chức: dự kiến tháng 8 năm 2018.



- Kinh phí: 50% Ngân sách Nhà nước.

*c) Bồi dưỡng Nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa*

- Nội dung: Thực hiện theo quy định Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Kiến thức cơ sở ngành: hệ thống chính trị Việt Nam; tổng quan du lịch; marketing du lịch...; Kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ điều hành du lịch: tổng quan về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành; thị trường du lịch và sản phẩm du lịch; nghiệp vụ điều hành du lịch...; Thực hành nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

- Hình thức đào tạo: tập trung ngắn hạn

- Đối tượng đào tạo: Nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành; Lao động xã hội chưa có việc làm; Sinh viên chuyên ngành du lịch hoặc các ngành nghề liên quan.

- Số lượng: 30 học viên/lớp.

- Đối tác đào tạo: Các trường có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thời gian tổ chức: dự kiến tháng 9 năm 2018.

- Kinh phí: 50% Ngân sách Nhà Nước.

*d) Lớp nghiệp vụ Bồi dưỡng tiếng Anh hướng dẫn viên du lịch tại điểm*

- Nội dung: đào tạo kiến thức tiếng Anh chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp, ứng xử đối với khách du lịch.

- Hình thức đào tạo: tập trung ngắn hạn

- Đối tượng đào tạo: Nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các khu điểm du lịch; Lao động xã hội chưa có việc làm; Sinh viên chuyên ngành du lịch hoặc các ngành nghề liên quan.

- Số lượng: 30 học viên/lớp

- Đối tác đào tạo: Các trường có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch.

- Thời gian tổ chức: dự kiến tháng 7 năm 2018.

- Kinh phí: 50% Ngân sách Nhà nước.

*đ) Tập huấn kinh doanh lưu trú tại nhà dân (du lịch homestay)*

- Nội dung: đào tạo cho các hộ kinh doanh lưu trú tại nhà dân các kiến thức căn bản về tiếp đón và phục vụ khách du lịch.

- Hình thức đào tạo: tập trung ngắn hạn

- Đối tượng đào tạo: các hộ làm homestay trên địa bàn tỉnh An Giang, các hợp tác xã du lịch nông nghiệp, các hộ dân chuẩn bị đầu tư kinh doanh loại hình homestay, các hộ nhà vườn.

- Số lượng: 60 học viên.

- Đối tác đào tạo: Các trường có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch.

- Thời gian tổ chức: năm 2018.
- Kinh phí: 100% Ngân sách Nhà nước.

*e) Tập huấn kiến thức văn minh du lịch cho cộng đồng tại các khu - điểm du lịch*

- Nội dung: Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về du lịch, giao tiếp với khách hàng, kỹ năng ứng xử văn minh văn hóa trong du lịch. Góp phần nâng cao nhận thức của các chủ hộ kinh doanh về việc bán hàng có trách nhiệm, đảm bảo uy tín, chất lượng sản phẩm.

- Hình thức đào tạo: tập huấn ngắn hạn
- Đối tượng đào tạo: các chủ hộ kinh doanh mua bán, các hộ kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu điểm, khu du lịch trên địa bàn tỉnh.
- Số lượng: 10 lớp, mỗi lớp 50 học viên.
- Đơn vị đào tạo: Các trường có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch.
- Thời gian tổ chức: trong năm 2018.
- Kinh phí: 100% Ngân sách Nhà nước.

**4. Tổ chức tập huấn “Quản lý nguồn nhân lực cơ bản”:**

- Mục tiêu: nhằm tăng cường hiểu biết về tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với thành công của cơ quan, đơn vị, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp tới chất lượng quản lý nhân sự, cho nên các nhà quản lý ngày càng cần phải nâng cao khả năng của mình về các biện pháp quản lý nhân sự cũng như các kỹ năng trong việc lựa chọn, giao việc, thưởng phạt và giải quyết vấn đề xung đột trong nhân sự. Khóa tập huấn sẽ tập trung vào những kỹ năng quản lý nhân sự cơ bản. Các bài tập, nghiên cứu tình huống và bài tập thiết kế dự án sẽ tập trung vào việc phát triển những kỹ năng này.

- Đối tượng đào tạo:

+ Lãnh đạo cấp Sở và tương đương, cấp huyện và tương đương theo dõi, phụ trách công tác quản lý nguồn nhân lực thực hiện chương trình số 09-CTr/TU hoặc phụ trách công tác tổ chức.

+ Lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc chuyên viên theo dõi, phụ trách công tác quản lý nguồn nhân lực thực hiện chương trình số 09-CTr/TU hoặc phụ trách công tác tổ chức.

- Số lượng: 01 lớp với số lượng 70 học viên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ.

- Đối tác đào tạo: Trung tâm Tạo nguồn nhân lực và Phát triển cộng đồng Trường Đại học An Giang phối hợp với Viện Công nghệ Châu Á Việt Nam (AITVN).

- Thời gian tổ chức: 03 ngày, dự kiến tháng 5 năm 2018.

- Tổng kinh phí tổ chức lớp tập huấn dự kiến là **105.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm lẻ năm triệu đồng chẵn) sử dụng từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng do Sở Nội vụ quản lý.

## **5. Kinh phí thực hiện Kế hoạch**

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện kế hoạch: **9.100.126.000 đồng** (Bằng chữ: Chín tỷ, một trăm triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn), gồm: từ nguồn ngân sách nhà nước là 8.876.101.000 đồng và nguồn xã hội hóa 224.025.000 đồng. Chia ra:

- Phục vụ phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực **nông nghiệp: 5.546.756.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn). Chi tiết thực hiện theo nội dung, định mức kinh phí sau khi làm việc thống nhất giữa Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phục vụ phát triển nhân lực nguồn trong **học sinh phổ thông: 2.500.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm nghìn đồng chẵn). Chi tiết thực hiện theo nội dung, định mức kinh phí sau khi làm việc thống nhất giữa Sở Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phục vụ phát triển **du lịch** thành ngành kinh tế mũi nhọn: **869.570.000 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn). Chi tiết thực hiện theo nội dung, định mức kinh phí sau khi làm việc thống nhất giữa Sở Tài chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tổ chức tập huấn “Quản lý nguồn nhân lực cơ bản và chi công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và chi thù lao cho Ban Điều hành và Tổ giúp việc: **183.800.000** (Một trăm tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn). Chi tiết thực hiện theo nội dung, định mức kinh phí sau khi làm việc thống nhất giữa Sở Tài chính và Sở Nội vụ.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Sở Nội vụ** chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung như sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện thuộc nhiệm vụ được giao.

b) Được sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng do Sở Nội vụ quản lý để: tổ chức tập huấn “Quản lý nguồn nhân lực cơ bản”, chi công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và chi thù lao cho Ban Điều hành và Tổ giúp việc.

c) Theo dõi, đôn đốc, tổ chức họp Ban Điều hành và Tổ giúp việc để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch năm 2018 và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Chương trình số 09-CTr/TU.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch nếu có phát sinh.

**2. Sở Tài chính** chịu trách nhiệm phối hợp với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ cân đối nguồn lực về tài chính để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện việc truyền truyền phát triển nguồn nhân lực theo Kế hoạch đã đề ra.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì triển khai nội dung phục vụ phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực nông nghiệp:

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung kế hoạch theo nội dung và kinh phí được phê duyệt. Định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch, tình hình sử dụng kinh phí được phân bổ thực hiện kế hoạch theo từng Quý, 06 tháng và báo cáo năm đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ). Đồng thời, kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp có phát sinh vướng mắc, khó khăn hoặc cần điều chỉnh nội dung kế hoạch.

b) Chủ trì tham mưu thành lập Hội đồng xét duyệt, tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2018. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt, tuyển chọn cử đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng lao động phù hợp các quy hoạch ngành, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng hướng dẫn quy trình, thủ tục đăng ký tham gia, xét chọn, phê duyệt hồ sơ đăng ký, các tiêu chí xét chọn, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng, ... tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi tham gia vào các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực.

c) Lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện kế hoạch, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định phục vụ cho kế hoạch của năm tiếp theo. Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, các đối tác trong và ngoài nước đặt hàng, xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp. Tổ chức các hoạt động tham vấn, lấy ý kiến đóng góp, tổng hợp các ý kiến đề xuất điều chỉnh nội dung kế hoạch. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và xử lý khách quan các trường hợp vi phạm, rút kinh nghiệm, hiệu chỉnh kế hoạch phù hợp tình hình thực tiễn.

d) Phối hợp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Công Thương xây dựng nội dung đặt hàng đào tạo, tập huấn đáp ứng cao yêu cầu phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, hội nhập kinh tế cho tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận, tham gia các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ lồng ghép trong khi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và bồi dưỡng nâng cao năng lực thông qua các chương trình, dự án phát triển trong nước và quốc tế. Tham gia giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có ý kiến đề xuất điều chỉnh nội dung kế hoạch phù hợp với thực tiễn.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch. Định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch, tình hình sử dụng kinh phí được phân

bổ thực hiện kế hoạch theo từng Quý, 06 tháng và báo cáo năm đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ). Đồng thời, kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp có phát sinh vướng mắc, khó khăn hoặc cần điều chỉnh nội dung kế hoạch.

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ ở doanh nghiệp du lịch đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ điều tra khảo sát chất lượng lao động đang làm việc trong lĩnh vực du lịch, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh.

d) Tranh thủ các nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân tài trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra.

đ) Lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện kế hoạch, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định phục vụ cho kế hoạch của năm tiếp theo.

**5.** Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm triển khai nội dung tạo nguồn phát triển nhân lực nguồn từ học sinh theo nội dung được duyệt. Định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch, tình hình sử dụng kinh phí được phân bổ thực hiện kế hoạch theo từng Quý, 06 tháng và báo cáo năm đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ). Tiến hành lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện kế hoạch, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định phục vụ cho kế hoạch của năm tiếp theo.

**6.** Căn cứ vào Kế hoạch này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện trên địa bàn, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực năm 2018 thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Bình**